TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ HỌC TẬP LỚP 66DCCC21
HỌC KỲ 2 - NĂM HỌC 2017-2018

STT	HỌC PHẦNSINH VIÊN .				DC3CC55_Chỉnh trị cửa sông ven biển (2)		DC3CC46_Công trình thuỷ công trong nhà máy		DC3CC50_Đồ án Công trình thuỷ công trong nhà		DC3CC49_Đồ án Quy hoạch cảng (1)		DC3CC51_Kỹ thuật thi công 1 (2)		DC3CC41_Quy hoạch cảng (2)		DC4CT13_Thực tập kỹ thuật thi công cơ bản (3)		DC1CB35_Tiếng anh (3)		DC2CT65_An toàn lao động (2)		DC3CT55_QLDA đầu tư XD công trình (3)		Tổng số HP thi lại	Tiền thi lại
	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ		675,000
1	66DCCC21678	ĐỖ THẾ	ANH	20/08/1997	4.9	D	1.7	F	4.1	D	6.0	C+	2.1	F	7.1	B	7.2	B	5.0	D+					2	30,000
2	66DCCC20956	NGUYỄN HỮU VIỆT	ANH	13/10/1997	2.6	F			1.8	F	1.5	F	2.1	F	2.1	F	7.6	B	0.0	F	1.5	F			7	105,000
3	66DCCC20524	NGUYỄN QUỐC	ANH	20/06/1996																						
4	66DCCC21807	NGUYỄN TUẤN	ANH	25/06/1997	5.3	D+	2.8	F	1.8	F	3.6	F	5.6	C	5.6	C	7.5	B	4.2	D	5.2	D+	4.5	D	3	45,000
5	66DCCC22891	VŨ ĐỨC	CẢNH	04/01/1997																						
6	66DCCC23289	TRẦN LÊ	CƯỜNG	17/01/1997	0.0	F			1.8	F	0.0	F			0.0	F	0.0	F	0.0	F					6	90,000
7	66DCCC22345	NGUYỄN VĂN	CƯƠNG	02/01/1997	5.4	D+	5.6	C	4.1	D	8.0	B+	8.2	B+	6.8	C+	7.9	B	5.5	C	8.1	B+	7.0	B		
8	66DCCC22801	NGUYỄN CÔNG	DUY	06/12/1997																						
9	66DCCC22150	ĐỖ HẢI	ĐĂNG	01/05/1997	5.4	D+	3.8	F	1.8	F	3.6	F	4.9	D	7.6	B	8.1	B+	2.1	F	7.0	B	4.8	D	4	60,000
10	66DCCC22200	PHẠM TRỌNG	ĐỨC	14/04/1997	5.7	C	6.4	C+	1.8	F	3.6	F	3.9	F	7.0	B	8.1	B+	4.2	D			4.1	D	3	45,000
11	66DCCC23293	NGUYỄN ĐỖ	ĐẠT	05/02/1997	3.3	F	2.8	F	1.8	F	3.6	F	2.9	F	5.6	C	8.2	B+	0.0	F			2.0	F	7	105,000
12	66DCCC20709	NGUYỄN VĂN	HIẾU	16/02/1997																						
13	66DCCC20451	TRẦN VĂN	HOÀN	28/11/1997																						
14	66DCCC22932	ĐỖ VĂN	HÙNG	28/02/1996	7.9	B	4.7	D	1.8	F	3.6	F	7.0	B	3.2	F	7.6	B	4.2	D	6.1	C+	6.2	C+	3	45,000
15	66DCCC20091	TRẦN HÀ	KHẮC	10/02/1996																						
16	66DCCC22600	ĐẶNG CÔNG	LƯƠNG	14/09/1997																						
17	66DCCC22780	NGUYỄN VĂN	MẠNH	20/09/1997	6.0	C+	8.8	A	9.0	A	9.0	A	8.1	B+	9.1	A	8.2	B+	5.1	D+	8.6	A	8.1	B+		
18	66DCCC22132	PHAN HẢI	NAM	11/09/1996	8.2	B+	6.2	C+	4.1	D	8.0	B+	6.8	C+	7.0	B	7.5	B	4.8	D	8.3	B+	6.6	C+		
19	66DCCC22778	BÙI DUY	PHÚ	12/08/1996	6.0	C+	4.9	D	9.3	A	9.0	A	8.8	A	6.3	C+	9.1	A	4.7	D	7.9	B	7.0	B		
20	66DCCC22280	BÙI BÍCH	PHƯƠNG	18/08/1997																						
21	66DCCC22461	LÊ VĂN	QUÝ	10/08/1997	5.8	C	5.3	D+	6.9	C+	7.3	B	5.8	C	6.8	C+	7.5	B	5.1	D+	7.0	B	6.2	C+		
22	66DCCC22997	NGUYỄN HUY	SƠN	15/08/1997	4.4	D			1.2	F	1.5	F	4.4	D	2.2	F	7.2	B	0.0	F			4.1	D	4	60,000
23	66DCCC22818	LÊ HỒNG	TÂN	03/05/1997	8.8	A	6.3	C+	4.1	D	8.0	B+	7.4	B	7.4	B	7.5	B	4.5	D	7.4	B	6.6	C+		
24	66DCCC22751	NGUYỄN VĂN	TIẾN	08/05/1997	5.3	D+	6.7	C+	6.9	C+	8.3	B+	6.3	C+	6.0	C+	8.4	B+	4.7	D	6.7	C+	4.9	D		
25	66DCCC20703	NGUYỄN ĐỨC	TRƯỜNG	06/03/1997	2.5	F	3.7	F	1.8	F	3.6	F	5.2	D+	5.6	C	7.5	B	0.0	F	1.9	F	5.6	C	6	90,000
26	66DCCC22819	PHÙNG MẠNH	TUẤN	24/11/1997																						
27	66DCCC23024	LÊ THANH	TÙNG	21/09/1996																						
28	66DCCC22441	LÊ QUANG	VŨ	17/10/1997																						

STT	HỌC PHẦNSINH VIÊN .			DC3CC55_Chỉnh trị cửa sông ven biển (2)		DC3CC46_Công trình thuỷ công trong nhà máy		DC3CC50_Đồ án Công trình thuỷ công trong nhà		DC3CC49_Đồ án Quy hoạch cảng (1)		DC3CC51_Kỹ thuật thi công 1 (2)		DC3CC41_Quy hoạch cảng (2)		DC4CT13_Thực tập kỹ thuật thi công cơ bản (3)		DC1CB35_Tiếng anh (3)		DC2CT65_An toàn lao động (2)		DC3CT55_QLDA đầu tư XD công trình (3)												Tổng số HP thi lại	Tiền thi lại
	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ														675,000